

Phụ lục I
PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH
TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 BỔ SUNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chương trình	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 bổ sung						Ghi chú
		Trung ương giao			Địa phương giao			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
	Tổng số	135,670	72,483	63,187	135,670	72,483	63,187	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021 - 2025	13,803	13,803		13,803	13,803		
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	121,867	58,680	63,187	121,867	58,680	63,187	

Phụ lục II
PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH
TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 BỔ SUNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị, địa phương	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 bổ sung									Ghi chú
		Tổng 02 chương trình mục tiêu quốc gia			Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021 - 2025			Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025			
		TỔNG SỐ	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng cộng	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng cộng	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
TỔNG SỐ		135,670	72,483	63,187	13,803	13,803		121,867	58,680	63,187	
I CẤP TỈNH		70,987	7,800	63,187	7,800	7,800		63,187		63,187	
1	Sở Y tế	63,187		63,187				63,187		63,187	
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	5,800	5,800		5,800	5,800					
3	Sở Thông tin và Truyền thông	1,200	1,200		1,200	1,200					
4	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	800	800		800	800					
II CẤP HUYỆN		64,683	64,683		6,003	6,003		58,680	58,680		
1	Huyện Đăk Glei	2,084	2,084		1,159	1,159		925	925		
2	Huyện Đăk Hà	3,003	3,003		536	536		2,467	2,467		
3	Huyện Đăk Tô	6,565	6,565		640	640		5,925	5,925		
4	Huyện Ia H'Drai	572	572		264	264		308	308		
5	Huyện Kon Plông	1,578	1,578		653	653		925	925		
6	Huyện Kon Rẫy	7,809	7,809		408	408		7,401	7,401		
7	Huyện Ngọc Hồi	8,767	8,767		132	132		8,635	8,635		
8	Huyện Sa Thầy	2,017	2,017		783	783		1,234	1,234		
9	Huyện Tu Mơ Rông	26,404	26,404		1,404	1,404		25,000	25,000		
10	Thành phố Kon Tum	5,884	5,884		24	24		5,860	5,860		

Phụ lục III

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 BỔ SUNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

DVT: Triệu đồng

TT	Dự án, tiểu dự án	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 bổ sung	Ghi chú
TỔNG SỐ		13,803	
1	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	5,800	
1.1	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Đầu tư hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý)	5,800	
2	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	8,003	
2.1	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	8,003	

Phụ lục IV

**PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
GIAI ĐOẠN 2021-2025 BỔ SUNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị, địa phương	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 bổ sung					Vốn nước ngoài <i>(thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn)</i>	Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn trong nước	Trong đó				
				Bao gồm				
				Phân bổ chung, theo tiêu chí, hệ số	Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	Hỗ trợ huyện "trắng xã nông thôn mới"		
TỔNG SỐ		121,867	58,680	28,680	5,000	25,000	63,187	
I	CẤP TỈNH	63,187					63,187	
1	Sở Y tế	63,187					63,187	
II	CẤP HUYỆN	58,680	58,680	28,680	5,000	25,000		
1	Huyện Đăk Glei	925	925	925				
2	Huyện Đăk Hà	2,467	2,467	2,467				
3	Huyện Đăk Tô	5,925	5,925	925	5,000			
4	Huyện Ia H'Drai	308	308	308				
5	Huyện Kon Plông	925	925	925				
6	Huyện Kon Rẫy	7,401	7,401	7,401				
7	Huyện Ngọc Hồi	8,635	8,635	8,635				
8	Huyện Sa Thầy	1,234	1,234	1,234				
9	Huyện Tu Mơ Rông	25,000	25,000			25,000		
10	Thành phố Kon Tum	5,860	5,860	5,860				

Phụ lục V

MỨC VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI ỨNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 BỔ SUNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

DVT: Triệu đồng

TT	Chương trình	Vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 bổ sung	Tỷ lệ đối ứng	Vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
TỔNG SỐ		135,670		65,507	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021 - 2025	13,803	10%	1,380	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	121,867		64,127	
-	<i>Vốn trong nước</i>	58,680	100%	58,680	
-	<i>Vốn nước ngoài</i>	63,187		5,447	(1)

Ghi chú:

(1) Theo Văn kiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn được phê duyệt kèm theo Quyết định số 6689/QĐ-BYT ngày 02/11/2018 và Quyết định số 3828/QĐ-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế. Hội đồng nhân dân tỉnh đã phân bổ vốn ngân sách địa phương đối ứng (5.447 triệu đồng) tại Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/10/2021 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương tỉnh Kon Tum.

Phụ lục VI

**ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU GIAO NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Chỉ tiêu đã giao tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 23/6/2022		Điều chỉnh chỉ tiêu giao nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025	
	Đơn vị tính	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 (phần đầu đến năm 2025)	Đơn vị tính	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 (phần đầu đến năm 2025)
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025				
Thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn				
Tỷ lệ	Tỷ lệ xã (%)	51.2	Tỷ lệ thôn (%)	51.2